

Bản án số: 803/2022/HS-PT

Ngày 24- 10 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 304/TLPT-HS ngày 23 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo Trương Thị B, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 08/2022/HS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 651/2022/QĐXXPT-HS ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Bị cáo: Trương Thị B, sinh năm 1985 tại tỉnh Thanh Hóa. Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: đường B, xã X, huyện S, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt nam; con ông Trương Thái C (sinh năm: 1960) và bà Trương Thị Đ (sinh năm: 1963); có chồng là Nguyễn Văn S (sinh năm: 1980); có 03 con (lớn sinh năm 2003; nhỏ sinh năm 2016), được tại ngoại, (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo theo chỉ định của Tòa án: Luật sư Nguyễn Thanh H, Văn phòng luật sư Nguyễn Thanh H – Đoàn luật sư tỉnh Đắk Nông , (Có mặt).

Các bị hại:

+ Chị Lê Thị N, sinh năm 1983 và anh Tổng Văn S, sinh năm 1982, địa chỉ: đường P1, xã X, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

+ Chị Bùi Thị V – sinh năm 1972, địa chỉ: đường P1, xã X, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

+ Anh Lộc Văn S, sinh năm 1980, địa chỉ: đường B, xã X, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

+ Bà Trần Thị H – sinh năm 1968, địa chỉ: Thôn 7, xã X, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

Các bị hại đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa năm 2009, Trương Thị B mở cửa hàng bán tạp hóa, thu nhập mỗi ngày từ 100.000 đến 200.000 đồng, đủ phục vụ cuộc sống hàng ngày cho gia đình. Đầu năm 2013, B mở rộng kinh doanh thêm phân bón và thu mua cà phê nên phải huy động vốn của người khác. Tính đến ngày 29/3/2018, Trương Thị B nợ của nhiều người với số tiền khoảng hơn 10 tỷ đồng. Do cần tiền để trả các khoản vay trước đó, B đã đưa ra thông tin gian dối đối với chị Lê Thị N, chị Bùi Thị V, anh Lộc Văn S và bà Trần Thị H là B cần tiền để đáo hạn ngân hàng và hứa hẹn sẽ trả lại tiền đã vay với lãi suất cao khi ngân hàng cho vay lại, cụ thể:

Đối với khoản vay của chị Bùi Thị V: B biết chị Lê Thị Th có quen biết với chị Bùi Thị V nên ngày 25/4/2018 Trương Thị B đến gặp chị T và nhờ chị T cùng B đến gặp chị Vinh để bảo lãnh cho B vay tiền; tin tưởng và nghĩ B vay tiền mục đích để đáo hạn ngân hàng nên chị T đồng ý. B và chị T đến gặp chị Vinh vay số tiền 350.000.000 đồng, B hẹn đến ngày 05/5/2018 sẽ trả. Sau khi nhận được tiền B dùng để trả nợ cho anh Nguyễn Hữu K (BL 490, 492a, 580, 887).

Đối với khoản vay của bà Trần Thị H: Ngày 15/4/2018 Trương Thị B đến gặp bố đẻ là ông Trương Thái C nhờ ông C đi cùng B đến nhà bà H để vay tiền; khi gặp bà H, B đưa thông tin là cần tiền dùng để đáo hạn ngân hàng nên bà H cho B vay số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn vay 03 ngày. Đến ngày 17/4/2018 B đến nhà bà H nói số tiền vay trước không đủ để đáo hạn ngân hàng và vay thêm 150.000.000 đồng hẹn 05 ngày sau sẽ trả, bà H đồng ý cho B vay. Đến hạn trả tiền bà H nhiều lần gọi điện thoại đòi tiền nhưng B lại đưa thông tin là B đang làm hồ sơ vay Ngân hàng nhưng gặp một số khó khăn đang giải quyết hẹn đến khi nào vay lại được sẽ trả cho bà H. Đến ngày 02/5/2018 B tiếp tục gặp bà H hỏi vay thêm 50.000.000 đồng nữa để trả cho một người bạn hàng của B, B nói với bà H là sau khi trả khoản nợ này thì người bạn hàng của B sẽ cho vay vài trăm triệu để B trả

nợ, B sẽ trả hết số tiền đã vay cho bà H, bà H tin tưởng và đồng ý cho B vay thêm 50.000.000 đồng. Tổng cộng B vay của bà H 260.000.000 đồng, số tiền này B dùng để trả các khoản vay trước đó nên không còn khả năng trả nợ cho bà H (BL 404, 969,971, 983).

Đối với khoản vay của chị Lê Thị N: Do cùng sinh sống trên địa bàn xã Trường Xuân, huyện Đắk Song và quen biết nhau từ năm 2016, vợ chồng chị Lê Thị N nhiều lần cho Trương Thị B vay tiền cũng như ký gửi cà phê cho cửa hàng của B. Tính đến ngày 17/4/2018 B còn nợ chị N tổng số tiền vay và ký gửi cà phê là 100.000.000 đồng. Đến ngày 19/4/2018 B đến gặp chị N hỏi vay tiếp tiền 800.000.000 đồng mục đích để đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay 07 ngày. Đến ngày 11/5/2018 B tiếp tục vay chị N thêm 150.000.000 đồng, tổng cộng B vay của chị N 950.000.000 đồng. Nhưng sau khi lấy được tiền B không đi đáo hạn ngân hàng mà đem đi trả nợ cho chị Dương Thị T, ông Nguyễn Hữu K.

Đối với khoản vay của anh Lộc Văn S: Ngày 13/5/2018 B hỏi vay của anh Lộc Văn S số tiền 200.000.000 đồng mục đích để đáo hạn ngân hàng trong thời hạn 10 ngày, do tin tưởng B nên anh S đồng ý cho vay. Anh S đưa 140.000.000 đồng cho người nhận là Nguyễn Anh T con trai của B; ngày 14/5/2018 B đưa số tài khoản của anh Nguyễn Văn M để anh San chuyển số tiền vay còn lại 60.000.000 đồng vào tài khoản anh M. Sau khi vay của anh San, B dùng 60.000.000 đồng trả nợ khoản vay của anh M, còn lại 140.000.000 đồng B dùng để trả nợ cho chị Dương Thị T, Hà Thị T, Nguyễn Thị Lệ T, Nguyễn Thị Bích D. Đến ngày 15/5/2018 B đóng cửa hàng buôn bán bỏ đi khỏi địa phương.

Như vậy tổng số tiền Trương Thị B đã chiếm đoạt của 4 người bị hại là 1.760.000.000 đồng, trong đó của chị Lê Thị N 950.000.000 đồng, chị Bùi Thị V 350.000.000 đồng, anh Lộc Văn S 200.000.000 đồng, bà Trần Thị H 260.000.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 08/2022/HS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã tuyên xử:

1. Tuyên bố bị cáo Trương Thị B phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo Trương Thị B 12 (*Mười hai*) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Trương Thị B phải tiếp tục trả số tiền 1.410.000.000 đồng (*một tỷ bốn trăm mười triệu đồng*) cho những người bị hại, cụ thể: Buộc bị cáo Trương Thị B phải trả cho chị Lê Thị N 950.000.000 (*chín trăm năm mươi triệu*) đồng, anh Lộc Văn S 200.000.000 (*hai trăm triệu*) đồng, bà Trần Thị H 260.000.000 (*hai trăm sáu mươi triệu*) đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 29/4/2022, bị cáo kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và cho rằng: Bị cáo có vay 950 triệu đồng của Nhung nhưng không chiếm đoạt, bị cáo không chiếm đoạt tiền của các chủ nợ, tại thời điểm bị cáo vay tiền vào tháng 4-5/2018 bị cáo có 07ha hồ tiêu. Hiện tại bị cáo đã dùng hết tài sản để khấu trừ nợ cho các chủ nợ khác. Đề nghị giảm một phần hình phạt vì bị cáo cũng là nạn nhân của tín dụng đen.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Cấp phúc thẩm thực hiện đúng các quy định về tố tụng, không vi phạm tố tụng.

Về nội dung kháng cáo: Bị cáo thành khẩn khai báo, các chứng cứ trong vụ án thể hiện bị cáo gian dối để vay được tiền và chiếm đoạt, cấp sơ thẩm kết tội bị cáo là có căn cứ, không oan, mức án là phù hợp. Bị cáo không đưa ra được tình tiết gì mới. Đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

Luật sư H trình bày: Bị cáo vay của bà Nhung nhiều lần và đã trả, giữa Nhung và bị cáo tin tưởng nhau trong việc vay tiền. Bị cáo cũng là nạn nhân của tín dụng đen. Bị cáo vay Nhung trả khoản trước thì vay khoản sau. Đối với khoản vay của Vinh, San, Hào thì bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Bị cáo không trốn nợ mà đi chữa bệnh, Mức án là nặng, bị cáo hoàn cảnh khó khăn, là người dân tộc, đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo đồng ý với ý kiến Luật sư, không trình bày tranh luận bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]- Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vay tiền của các bị hại nhưng cho rằng chỉ là giao dịch dân sự, bị cáo không chiếm đoạt tiền vay của các bị hại. Tuy nhiên, căn cứ lời thừa nhận của bị cáo trong quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm phù hợp với lời khai của các bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ kết luận:

Trong quá trình kinh doanh, Trương Thị B đã nợ tiền, nợ cà phê của nhiều người không có khả năng thanh toán. Tuy nhiên B giấu tình trạng tài chính, đưa ra thông tin gian dối đối với các bị hại là cần tiền đáo hạn ngân hàng, tạo niềm tin cho các bị hại để vay tiền, dùng tiền vay của người sau trả cho người vay trước nhằm chiếm đoạt tài sản là tiền vay. Cụ thể chiếm đoạt tiền của chị Bùi Thị V 350.000.000 đồng, anh Lộc Văn S 200.000.000 đồng, bà Trần Thị H 260.000.000 đồng, Lê Thị N 950.000.000 đồng, tổng cộng là 1.760.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo Trương Thị B đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Cấp sơ thẩm kết luận bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[2]- Xét kháng cáo của bị cáo thì thấy: Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối là đưa ra thông tin cần tiền đáo hạn ngân hàng để hỏi vay được tiền nhằm chiếm đoạt tiền của các bị hại. Bị cáo thừa nhận nếu bị cáo hỏi vay tiền để trả người khác thì các bị hại sẽ không cho vay (BL: 909), bị cáo biết không có khả năng trả nợ nhưng vẫn tiếp tục vay tiền của các bị hại để trả cho các chủ nợ khác (BL: 607), sau đó bỏ đi khỏi địa phương là thể hiện ý chí muốn chiếm đoạt tiền vay trước khi vay được tiền. Bị cáo cũng thừa nhận hiện tại bị cáo không còn tài sản gì để trả nợ. Như vậy, bị cáo kháng cáo cho rằng bị cáo không chiếm đoạt tiền vay của các bị hại là không có căn cứ.

Về kháng cáo của bị cáo cho rằng khoản vay 800.000.000đ của chị N ngày 19/4/2018 bị cáo có trả lãi cho Nhung. Tuy nhiên bà Nhung không thừa nhận, bị cáo không có chứng cứ chứng minh. Tại biên bản đối chất có Luật sư của bị cáo tham gia (BL: 897) bà Nhung cũng xác nhận bị cáo chưa trả lãi cho khoản vay này.

Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ nào mới, số tiền bị cáo chiếm đoạt lớn, phạm tội từ hai lần trở lên là tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Cấp sơ thẩm khi lượng hình đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, mức hình phạt là phù hợp, tương xứng, đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Vì vậy, không chấp nhận toàn bộ kháng của bị cáo; giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm về phần tội danh, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo.

[3]- Án phí phúc thẩm: Bị cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Thị B; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 08/2022/HS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông về phần tội danh, hình phạt, trách nhiệm dân sự đối với bị cáo như sau:

1. Tuyên bố bị cáo Trương Thị B phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo Trương Thị B 12 (*Mười hai*) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Trương Thị B phải trả số tiền 1.410.000.000 đồng (*một tỷ bốn trăm mười triệu đồng*) cho người bị hại, cụ thể:

Buộc bị cáo Trương Thị B phải trả cho bà Lê Thị N 950.000.000 (*chín trăm năm mươi triệu*) đồng, trả cho ông Lộc Văn S 200.000.000 (*hai trăm triệu*) đồng, trả cho bà Trần Thị H 260.000.000 (*hai trăm sáu mươi triệu*) đồng.

kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với từng thời gian chưa thi hành án.

3. Án phí phúc thẩm: Bị cáo Trương Thị B phải chịu 200.000đ.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- Tòa án nhân dân tối cao
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Đắk Nông
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Cục THA dân sự tỉnh Đắk Nông
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông
- Công an tỉnh Đắk Nông
- BCTN
- Các bị hại
- Lưu HS; VP. (UMTT)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng